TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/201/HNGĐ- ST
Ngày: 18/4/2018
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Diệu**.

2. Bà **Nguyễn Thị Đoan**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Khánh Vi**- Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Huệ**- Kiểm sát viên

Ngày18 tháng4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số37/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018về hôn nhân và gia đình, theoQuyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm2018giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Ông **Tô Bá C**, sinh năm 1964

Bị đơn:Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1966

Đều ở địa chỉ: Tổ x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt ông C, bà T có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng, bản tự khaivà tại phiên toà, nguyên đơn là ông Tô Bá C trình bày:Ông và bà Phạm Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn và tổ chức đám cưới vào năm 1985 nhưng không đăng ký kết hônvà về chung sống với nhau như vợ chồng tại Tổ x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa hai bên không hợp tính tình dẫn đến phát

sinh mâu thuẫn. Thời điển năm 2000 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông C xác nhận tình cảm hai người không còn, ông C đề nghị Toà án giải quyết không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Tô Bá N, sinh năm 1985; Tô Bá H, sinh năm 1990 và Tô Thị Phương L, sinh năm 1994. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản: Ông và bà Phạm Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là bà Phạm Thị T trong biên bản lấylời khai và đơn xin xử án vắng mặt đãxác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh và thời gianchung sống như vợ chồng với ông Tô Bá C nhưng không có đăng ký kết hôn như ông C trình bày là đúng. Nay bà T cũng đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông C và bà.

Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông C có 03 con chung như ông C đã khai. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản: Bà và ông C không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 củaLuật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần giải quyết khôngcông nhận ông C và bà T là vợ chồng; về quan hệ con chung: hiện con chung đã trưởng thành vì vậy không dặt ra giải quyết; Về Tài sản Ông C và bà T không có tài sản chung, vì vậy không dặt ra giải quyết. Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú và Đăng ký nhân khẩu thường trú tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2].Vềquan hệ hôn nhân: Ông Tô Bá C và bà Phạm Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới vào năm 1985 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cả hai chung sống như vợ chồng và lao động tự do tại tổ 11, thị trấn Quỳnh Côi. Quá trình chung sống giữa ông C và bà T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Năm 2000 mâu thuẫn căng thẳng ông C và bà T đã sống ly thân từ đó cho cho đến nay. Xét thực tế cuộc sống giữa ông C và bà T đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân thời gian dài, ông C làm đơn đề nghị không công nhận ông và bà T là vợ chồng, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Tcũng có ý kiến đề nghị Tòa ángiải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông C đồng thời có đơn xin xử án vắng mặt, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông C, xử tuyên bố ông C và bà T không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3].Về con chung: Ông C và bà T có 03 con chung là Tô Bá N, sinh năm 1985; Tô Bá H, sinh năm 1990 và Tô Thị Phương L, sinh năm 1994. Hiện nay các con chungđều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Ông C và bà T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[4].Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàokhoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53Luật Hôn nhân và gia đình;Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận ông Tô Bá C và bà Phạm Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Tô Bá C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhângia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Cđã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003555 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:Ông Tô Bá C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ.*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Minh Đức
(đã ký)

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng